

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 593/2017/TLST-DS ngày 02/6/2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà **Lai Thị N**, sinh năm 1951.

Địa chỉ liên lạc: Đường A, phường B, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1957.

Trú tại: Đường G, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 28/01/2013).

*Bị đơn:* 1/ Ông **Lai Xuân C**, sinh năm 1954.

2/ Bà **Vũ Thị Thu H**, sinh năm 1961.

Cùng trú tại: Đường L, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông **Lâm Quốc Đ**, sinh năm 1987.

Trú tại: Đường L, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền 08/8/2013)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

1/ Bà **Lai Thị N1**, sinh năm 1953.

Trú tại: tỉnh Bình Dương.

2/ Bà **Lai Thị H1**, sinh năm 1959.

Cư trú: France.

Trú tại: Đường X1, phường K1, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H1:

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1957.

Trú tại: Đường G, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(Theo Giấy ủy quyền ngày 26/3/2013).

3/ Bà **Lai Thị D**, sinh năm 1960.

Trú tại, tỉnh Bình Dương.

4/ Ông **Lai Sao Q**, sinh năm 1962.

Trú tại: Đường V, Phường R, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà **Lai Thị Tuyết N2**, sinh năm 1964.

Trú tại: Đường S, Phường X, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Ông **PL**, sinh năm 1949.

Quốc tịch: Pháp.

Trú tại: Đường S, Phường X, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông PL:

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1957.

Trú tại: Đường G, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 11/12/2013).

7/ Ông **Lai Xuân C1**, sinh năm 1980.

8/ Bà **Lai Vũ Thanh T**, sinh năm 1984.

Cùng trú tại: Đường L, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định ông Lai Xuân C và bà Vũ Thị Thu H là chủ sở hữu hợp pháp của nhà đất tại số Đường L, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 6419/2003 ngày 13 tháng 8 năm 2003 của UBND quận P cấp cho ông C, bà H.

2.2. Ông Lai Xuân C và bà Vũ Thị Thu H có trách nhiệm giao cho bà Lai Thị N số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà Lai Thị N số 005005152001 tại Ngân hàng TNHH R1, địa chỉ Đường D2, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn thực hiện như sau: vào ngày 27 tháng 11 năm 2018 chuyển khoản số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, ngày 27 tháng 11 năm 2019 chuyển tiếp số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, ngày 27 tháng 11 năm 2020 chuyển 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và ngày 27 tháng 11 năm 2021 chuyển khoản hết số tiền còn lại là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2013/QĐ-BPKCTT ngày 31/01/2013 của Tòa án nhân dân quận P ngay sau khi ông C, bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà N.

2.4. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2013/QĐ-BPBD ngày 30/01/2013, giải tỏa việc phong tỏa số tiền 80.000.000 (Tám mươi

triệu) đồng trong tài khoản số 153945829 của bà Lai Thị N nộp tại Ngân hàng TMCP AC – Chi nhánh P.

2.5. Các chi phí giám định chữ ký, định giá phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

2.6. Về án phí hòa giải thành là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng, mỗi bên phải nộp một nửa, cụ thể:

- Bà Lai Thị N phải nộp 10.500.000 đồng. Do bà N đủ 60 tuổi trở lên và có đơn xin được miễn nộp án phí, TỰAP nên căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 thì bà N được miễn nộp tiền TỰAP và án phí. Hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng theo Biên lai thu số AH/2011/01675 ngày 28/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P;

- Ông Lai Xuân C, bà Vũ Thị Thu H cùng chịu án phí số tiền là 10.500.000 (Mười triệu năm trăm nghìn) đồng. Do ông C đủ 60 tuổi trở lên và có đơn xin được miễn nộp án phí, TỰAP nên căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 thì ông C được miễn nộp án phí số tiền 5.250.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Vũ Thị Thu H phải nộp số tiền là 5.250.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Kim Dung**